

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 2973/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Đề án thúc đẩy hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế trong nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Quyết định số 2973/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2973/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Đề án thúc đẩy hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế trong nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Xác định nông nghiệp là lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh do đó cần tích cực, chủ động thúc đẩy tại các diễn đàn đa phương nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh và nâng tầm đối với việc phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Phát huy tốt nhất lợi thế của nông nghiệp tỉnh Gia Lai, xây dựng và nâng cao uy tín của ngành nông nghiệp, thúc đẩy phát triển bền vững, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu;

- Đẩy mạnh công tác huy động hiệu quả các nguồn lực và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế để phát triển bền vững ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Tận dụng tốt nhất các mối quan tâm toàn cầu về an ninh lương thực, an toàn sinh học, bền vững môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học; chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng bền vững và các mối quan tâm khác.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2973/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Đề án thúc đẩy hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế trong nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chuyển hóa các lợi ích của hội nhập kinh tế quốc tế đã đạt được thành kết quả cụ thể trong việc tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ; nâng cao khả năng hấp thụ khoa học công nghệ và hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế; thúc đẩy phát triển các khu vực kinh tế trong nước, xác lập vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu; hoàn thiện và nâng cao

chất lượng thể chế, pháp luật đầy đủ, hiện đại, hội nhập hơn.

- Tham gia tích cực, chủ động, có trách nhiệm trong quá trình toàn cầu hóa, góp phần xây dựng và phát triển bền vững nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, nông nghiệp thông minh. Nâng cao vị thế, hình ảnh, khả năng cạnh tranh của nền nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp của tỉnh trong nền nông nghiệp của cả nước và toàn cầu. Phát huy tính chủ động, sáng tạo trong huy động nguồn lực con người, công nghệ, tài chính, thu hút đầu tư từ bên ngoài phục vụ cho sự phát triển nhanh và bền vững của nông nghiệp, nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Kim ngạch xuất khẩu ngành hàng nông, lâm sản năm 2030 dự kiến đạt 590 triệu USD.

- Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó ưu tiên các dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, kết nối nông dân và doanh nghiệp trong nước với chuỗi toàn cầu. Dự kiến đến 2030 thu hút FDI đạt khoảng 97,5 triệu USD.

- Thu hút vốn vay ODA cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong giai đoạn 2026-2030 dự kiến khoảng 1.720 tỷ đồng.

- Hằng năm, phối hợp tham gia các Chương trình đào tạo, tập huấn tại nước ngoài trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của các Bộ, ngành Trung ương theo quy định và phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành có liên quan triển khai thúc đẩy hợp tác nông nghiệp với các nước Châu Phi theo hình thức song phương hoặc ba bên.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chủ động hội nhập quốc tế, phát huy lợi thế tốt nhất của ngành nông nghiệp Gia Lai

- Triển khai có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã tham gia, nhất là kế hoạch thực thi các FTA thế hệ mới như CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương), EVFTA (Hiệp định thương mại tự do Liên minh Châu Âu-Việt Nam), UKVFTA (Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương Quốc Anh và Bắc Ailen) và RCEP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực) của tỉnh. Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết trong các FTA; tăng cường tận dụng ưu đãi trong các FTA để thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng thị trường.

- Tăng cường các biện pháp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thương hiệu cho các ngành hàng và doanh nghiệp trong tỉnh nói chung và các doanh nghiệp nông nghiệp nói riêng; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về mặt chính sách để hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng quy tắc xuất xứ, tận dụng tốt lợi ích từ các FTA, nhất là các FTA thế hệ mới.

- Tăng cường vai trò của nông nghiệp trong việc thiết lập các tiêu chuẩn thị trường mới qua các diễn đàn đa phương và khu vực. Chủ động đề xuất các sáng kiến, chương trình, dự án hợp tác để phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, hướng đến nông nghiệp xanh, sinh thái, bền vững.

Nâng cao vị thế, khả năng cạnh tranh và thị phần của các ngành hàng nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh tại các thị trường lớn và mức thu nhập cao (Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Đông Bắc Á, Canada, Hàn Quốc, Úc-NZ) qua đó thúc đẩy chuyển đổi nông nghiệp theo hướng sinh thái, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, hỗ trợ tăng thu nhập cho người sản xuất. Nghiên cứu đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang ASEAN, Trung Đông, Liên minh kinh tế Á - Âu, Châu Phi, Châu Mỹ Latinh, tập trung vào các nước là đầu mối nhập khẩu của vùng.

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030”, Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030”.

- Xây dựng thương hiệu nhà xuất khẩu nông, lâm, thủy sản có trách nhiệm - minh bạch - bền vững. Tích hợp đa giá trị trong xuất khẩu nông lâm thủy sản: gắn xuất khẩu nông, lâm, thủy sản với ẩm thực, văn hóa, du lịch và môi trường. Xây dựng, đăng ký và bảo hộ thương hiệu nông sản tại các thị trường trọng điểm. Tham gia xây dựng thương hiệu nông sản tiêu vùng Mê Công để nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị tại khu vực.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các nhà xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp lớn trên toàn quốc với các đầu mối nhập khẩu tại các thị trường lớn nhằm: (i) Đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, bền vững; (ii) Giảm các chi phí về phát triển vùng nguyên liệu, chế biến, logistics; (iii) Phát triển kênh phân phối ổn định tại các thị trường lớn, hình thành các khu bán hàng Việt, tham gia sâu vào kênh phân phối hiện đại.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh: Hệ thống kho bãi đặc biệt là kho lạnh, dịch vụ hậu cần, trung tâm giao dịch/logistics; xây dựng nền tảng điện tử, truy xuất nguồn gốc, phòng Lab xét nghiệm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường lớn.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, cung cấp thông tin về các thị trường xuất nhập khẩu, thị trường trong nước để các doanh nghiệp kịp thời nắm bắt các thông tin, yêu cầu về kỹ thuật, quy định về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa; hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh phát triển sản xuất kinh doanh, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Thông qua các hội, hiệp hội doanh nghiệp nắm bắt, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa; tạo điều kiện cho doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản

phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của thị trường các nước

2. Tăng cường quan hệ đối tác, xây dựng hình ảnh tốt đẹp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam

- Chủ động, tích cực phối hợp, tham gia đóng góp tại các khuôn khổ hợp tác đa phương thông qua việc đề xuất các sáng kiến hợp tác mới, phát huy vai trò nòng cốt thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các diễn đàn đa phương;

- Phối hợp với Bộ, ngành có liên quan theo dõi, đánh giá tình hình, báo cáo kết quả, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý trong triển khai thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế; phối hợp chặt chẽ trong tất cả các hoạt động hợp tác quốc tế của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành và hiệp hội ngành hàng như: Hội nghị, hội thảo, kết nối thương mại, đầu tư, tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực, chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ hợp tác quốc tế của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đào tạo, bổ nhiệm công chức đảm bảo chất lượng năng lực chuyên nghiệp và đạo đức, trách nhiệm; đào tạo cán bộ về kỹ năng đàm phán, pháp lý, phân tích thị trường, quản lý nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, thông minh; thực hiện cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài phù hợp. Tận dụng tốt các nguồn hỗ trợ quốc tế để cử cán bộ hợp tác quốc tế của ngành tham gia các khóa đào tạo, tập huấn của các đối tác đa phương và song phương lớn của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông quảng bá hình ảnh nông nghiệp, nông thôn tỉnh Gia Lai ra toàn quốc và quốc tế. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến nhằm tăng cường, nâng cao nhận thức về công tác hợp tác quốc tế, khai thác hiệu quả hội nhập quốc tế, triển khai hiệu quả các hiệp định, điều ước, thỏa thuận quốc tế đã ký kết trong toàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Tối ưu hóa việc huy động và sử dụng nguồn lực bên ngoài cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

- Huy động tối đa nguồn vốn ODA cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đảm bảo hiệu quả, đồng bộ trong quá trình phối hợp đề xuất, chuẩn bị, triển khai các dự án ODA, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho ngành nông nghiệp. Chú trọng trong việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, chuyển giao công nghệ về phương pháp giám sát quản lý nước, hồ chứa nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt nông thôn, phòng chống thiên tai, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, kết nối chuỗi giá trị, nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, phát thải thấp, phát triển nông thôn tổng hợp; thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp,...Phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để đề xuất các dự án sử dụng vốn vay ODA, tận dụng tối đa nguồn đầu tư phát triển từ ngân sách, kích hoạt và hỗ trợ tốt cho đầu tư tư nhân trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tăng cường thu hút nguồn viện trợ không hoàn lại cho các lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo, nâng cao năng lực cho địa phương và tổ nhóm nông dân, phát triển cộng đồng, xây dựng nông thôn mới, logistics cho chuỗi giá trị nông nghiệp, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, giảm phát thải, tích hợp đa giá trị, kết nối chuỗi, đối tác công - tư. Tận dụng các nguồn viện trợ không hoàn lại, đặc biệt từ nguồn hỗ trợ cho phòng chống thiên tai, thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, giảm phát thải để tăng thành tố ưu đãi của các khoản vay. Đẩy mạnh việc thu hút các nguồn lực từ chi trả, mua bán, trao đổi tín chỉ các bon nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả phát triển nông nghiệp bền vững, tăng trưởng xanh và các bon thấp.

- Tranh thủ nguồn lực về khoa học công nghệ, kinh nghiệm nghiên cứu và quản lý về xóa đói giảm nghèo ở nông thôn, cải thiện an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và sức khỏe, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên; phát triển nông thôn; tổng hợp, đào tạo phát triển nguồn nhân lực; hợp tác nghiên cứu; thu hút đầu tư của doanh nghiệp nông nghiệp của các nước vào Việt Nam, nhất là từ các nước phát triển, tăng cường gắn kết chuỗi giá trị, xử lý hài hoà vấn đề tiếp cận thị trường nông nghiệp với các thị trường lớn như Trung Quốc, Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ...

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch:

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình/dự án giai đoạn 2021 - 2030.

- Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Làm đầu mối, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch này. Tổng hợp báo cáo, tổ chức theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện; tổng hợp, tham mưu đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện thực tiễn tại địa phương.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh. Tăng cường phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm nông nghiệp xanh, an toàn, hữu cơ, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước. Chú trọng triển khai thực hiện Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của UBND tỉnh ban hành Danh mục các ngành hàng, sản

phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Danh mục các sản phẩm chủ lực của tỉnh Gia Lai; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030”, Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030”.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh hợp tác, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong ngành nông nghiệp chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, tận dụng công nghệ 4.0 để thực hiện số hóa ngành nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất và tăng khả năng cạnh tranh của nông sản trong tỉnh.

- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo hướng xanh, bền vững, tăng tốc độ các xã đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng làng sinh thái, làng thông minh thích ứng với khí hậu.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trong việc tham mưu, đề xuất các dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, các trung tâm logistics, hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu từ nguồn vốn ODA.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh theo quy định, bao gồm xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Triển khai công tác hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh. Hàng năm đề xuất UBND tỉnh ban hành các kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, trọng tâm là triển khai có hiệu quả Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nông nghiệp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính trong việc tham mưu đề xuất các dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, các trung tâm logistics, hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu từ nguồn vốn ODA.

3. Sở Công Thương:

- Là cơ quan đầu mối đôn đốc triển khai có hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã tham gia, nhất là kế hoạch thực thi các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP của tỉnh.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các rào cản kỹ thuật và các tranh chấp phát sinh trong thương mại đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhằm khai thác hiệu quả của các FTA, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu cho các mặt hàng nông sản trong tỉnh.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ trong nước và quốc tế. Tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tại các hội chợ, triển lãm quốc tế chuyên ngành và đa ngành; gặp gỡ, đối thoại với các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp xuất khẩu để nắm tình hình, kịp thời giải quyết hoặc đề xuất UBND tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

4. Sở Tài chính

- Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau, trên cơ sở dự toán của các đơn vị liên quan xây dựng gửi Sở Tài chính theo đúng quy định, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách tham mưu UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc tham mưu, đề xuất các dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, các trung tâm logistics, hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu từ nguồn vốn ODA.

5. Sở Ngoại vụ

- Tham mưu, đề xuất tổ chức các đoàn công tác đi quảng bá về nông nghiệp của tỉnh, kết nối ở nước ngoài; tham gia sự kiện do Bộ Ngoại giao tổ chức trong nước và nước ngoài như: Các buổi gặp gỡ với các cơ quan đại diện nước ngoài, hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; các hội nghị khu vực theo quy định và phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Tăng cường triển khai các hoạt động kết nối với các đối tác nước ngoài nhằm tận dụng các cơ hội hợp tác đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 1911/KH-UBND ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình “ Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030”.

- Tăng cường hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong nông nghiệp phục vụ công tác hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đẩy mạnh hoạt động cung cấp, phổ biến các thông tin về tiêu chuẩn kỹ thuật và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (trong khuôn khổ các hiệp định thương mại: CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP và các FTA mà Việt Nam tham gia) đến tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan: Xây dựng, lồng ghép, bổ sung các nhiệm vụ về hợp tác quốc tế vào các kế hoạch, chương trình của đơn vị, đồng thời phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành có liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2973/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các hội, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp